

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số:10/2018/DS-ST

Ngày: 26-02- 2018

V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc là thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/ 2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị H, sinh năm 1969 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Thân Ngọc D, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp 4, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Dương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị H và ông Thân Ngọc D chung sống với nhau vào năm 1993 không có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai đều còn độc thân. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Bà H cho rằng quá trình chung sống thì thời gian đầu vợ chồng tương đối hòa thuận. Từ năm 2006 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, thường hay cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân do ông D có quan hệ tình cảm với nhiều phụ nữ khác, bà H nhiều lần khuyên ngăn nhưng không có kết quả nhưng vì nghĩ đến con cái nên vẫn chấp nhận cuộc sống với ông D. Mâu thuẫn càng nghiêm trọng hơn khi hiện nay ông D chính thức công khai có người phụ nữ khác và đang chung sống với người này. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông D nhất quyết không chấm

dứt mối quan hệ này. Nay bà H không thể tiếp tục chung sống với ông D nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Thân Văn Đ, sinh năm 1992 và Thân Ngọc Huyền L sinh ngày 24/04/2007. Nay ly hôn bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về nuôi con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Thân Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông D thống nhất với lời trình bày của bà H về việc vợ chồng chung sống với nhau vào năm 1993 và không có đăng ký kết hôn cũng như việc vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do cuộc sống không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Tình trạng này đã kéo dài mười mấy năm nay, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, lúc đầu thì mâu thuẫn nhỏ rồi to dần, ông D không chịu đựng được. Việc bà H cho rằng ông có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, ông D xác định chỉ là quan hệ bạn bè bình thường nhưng bà H cho rằng ông D ngoại tình. Hiện nay vợ chồng sống chung một nhà nhưng không có bất cứ quan hệ gì với nhau, thậm chí không thèm nói chuyện gì với nhau. Tình trạng này đã kéo dài mấy năm nay, vợ chồng có tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Vì vậy, trước yêu cầu ly hôn của bà H thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông D cũng thống nhất với bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Thống nhất ly hôn, không ý kiến gì khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Thành phát biểu ý kiến.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán: Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã tiến hành nộp đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo, nộp tạm ứng án phí, cung cấp lời khai, cung cấp chứng cứ và tham gia phiên họp tiếp cận công khai đánh giá chứng cứ, đã thực hiện các quy định tại các Điều 68, Điều 72 BLTTDS; Bị đơn đã cung cấp lời khai, được Thẩm phán ghi lời khai và tham gia phiên họp tiếp cận công khai đánh giá chứng cứ, đã thực hiện các quy định tại các Điều 68, Điều 72 BLTTDS.

+ Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát: Bà H yêu cầu ly hôn và ông D cũng đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bà H và ông D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 và có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng bà H và ông D không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên việc chung sống với nhau không làm

phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Vì vậy căn cứ vào Điều 9, Điều 14, điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên không công nhận bà H và ông D là vợ chồng. Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH đề nghị tuyên buộc bà Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình do bà Dương Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Thân Ngọc D.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà H và ông D chung sống với nhau từ 1993 không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Điều này được ông D và bà H thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời bà H yêu cầu ly hôn và ông D cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình thì mặc dù bà H và ông D chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn với nhau nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà H và ông D không tin tưởng nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông bà đã ly thân với nhau một thời gian dài. Tại tòa hôm nay, bà H tiếp tục yêu cầu được ly hôn với ông D, không đồng ý cùng với ông D làm thủ tục đăng ký kết hôn điều này cũng phù hợp với ý kiến của ông D trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, cần căn cứ vào điều 14, điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận ông D và bà H là vợ chồng.

Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông D, bà H thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 51, điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Tuyên bố không công nhận bà Dương Thị H và ông Thân Ngọc D là vợ chồng.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng được trừ vào vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009194 ngày 18/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Thị Ngọc Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Thành

Phạm Xuân Đính

Ung Thị Ngọc Thanh